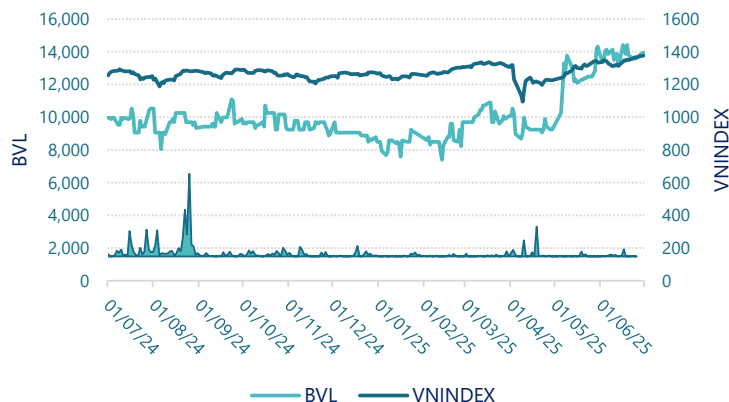


CTCP BV Land (UPCOM: BVL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	15,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,412
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,391
SL cổ phiếu LH	82,788,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,410
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,250
P/E	4.8
EPS	3,153

DT thuần

Q2/25

514

tỷ VNĐ

QoQ: ▼23.0| -4.2%

YoY: ▲ 191| 59.2%

LN sau thuế

Q2/25

126

tỷ VNĐ

QoQ: ▼38.0| -23.2%

YoY: ▲ 115| 1046%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

32.0%

+/- YoY: ▲ 26.7%

DT thuần

6T 2025

1,052

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 630| 149%

LN sau thuế

6T 2025

290

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 278| 2316%

ROE

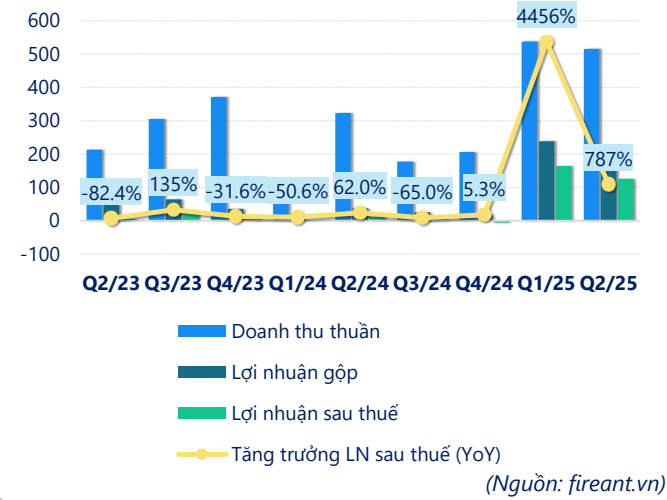
Q2/25

19.0%

+/- YoY: ▲ 15.1%

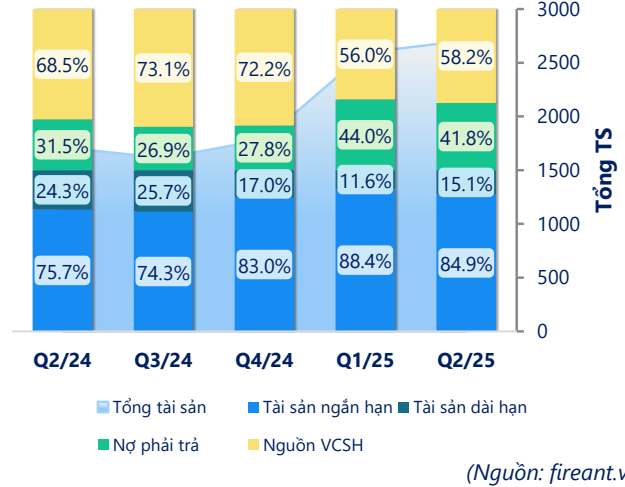
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

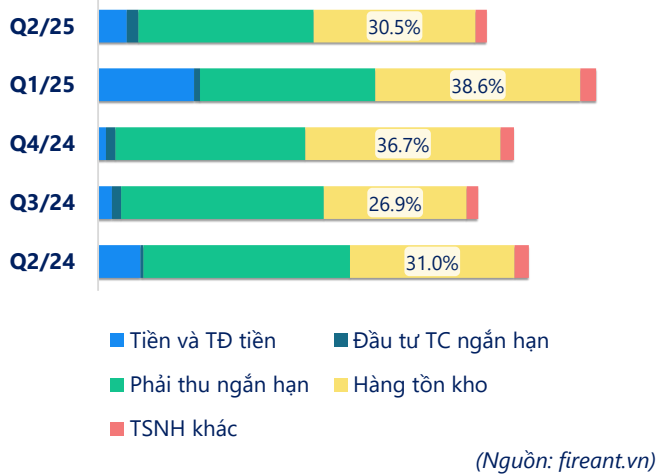


Cơ cấu Tổng tài sản

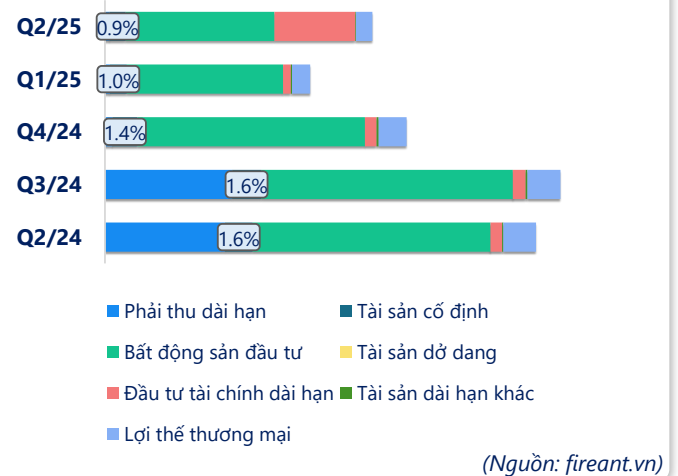
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

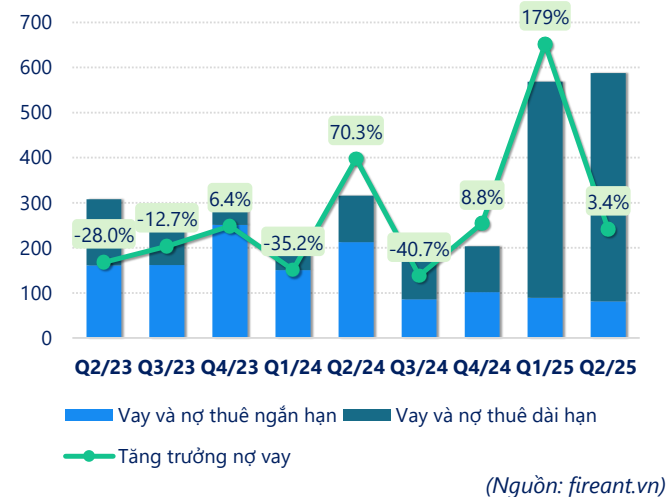


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



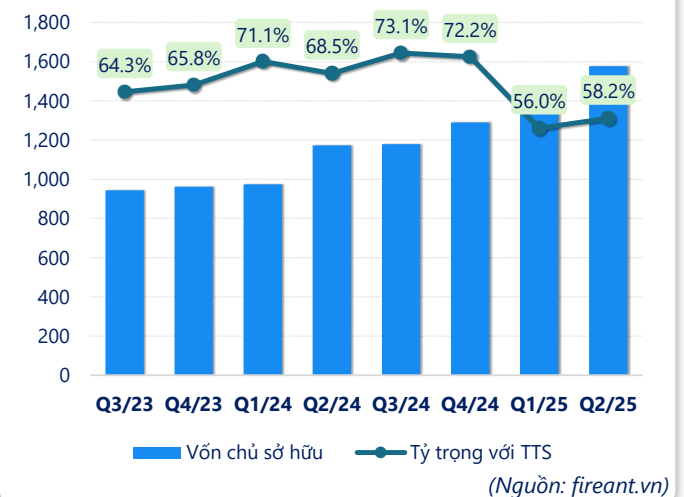
tỷ VNĐ

Nợ vay

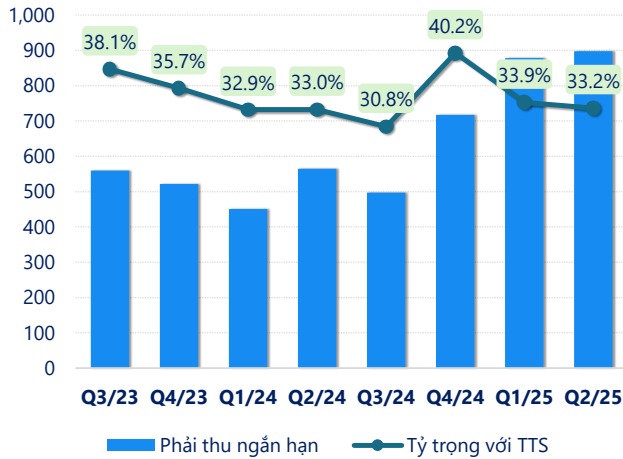


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

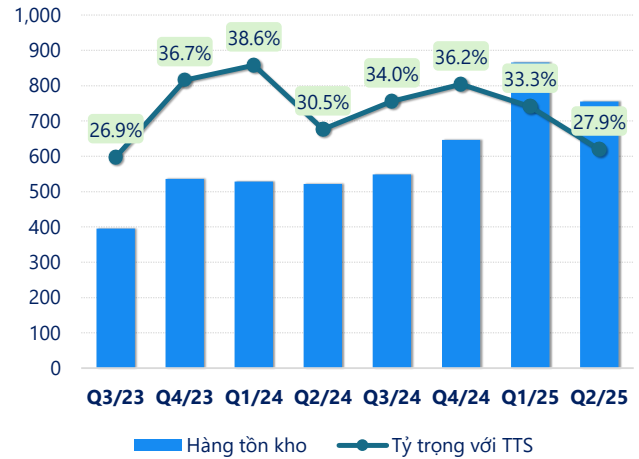


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


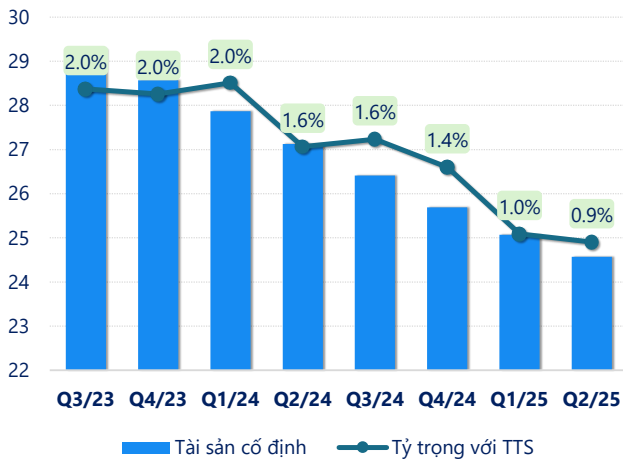
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


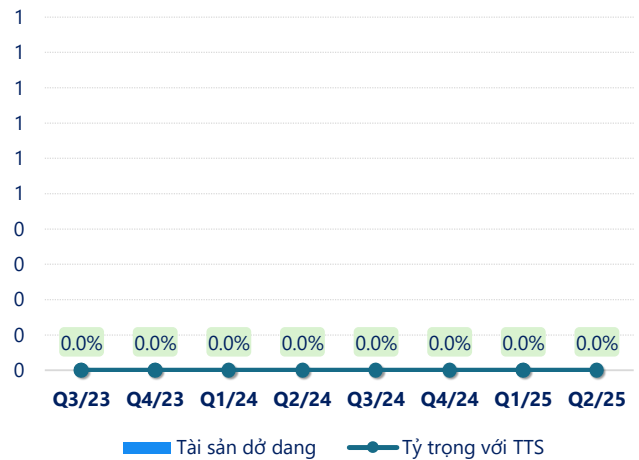
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

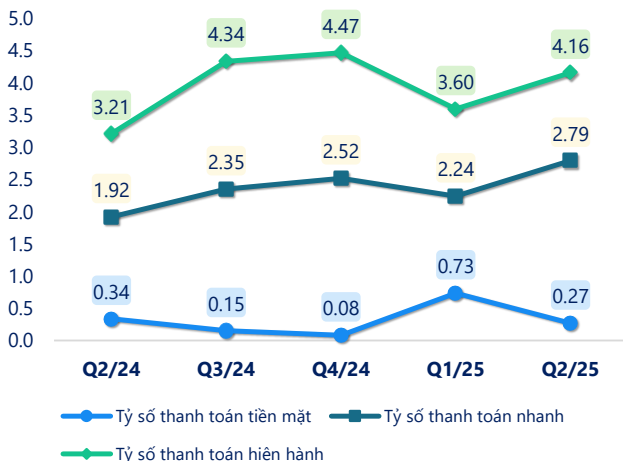
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

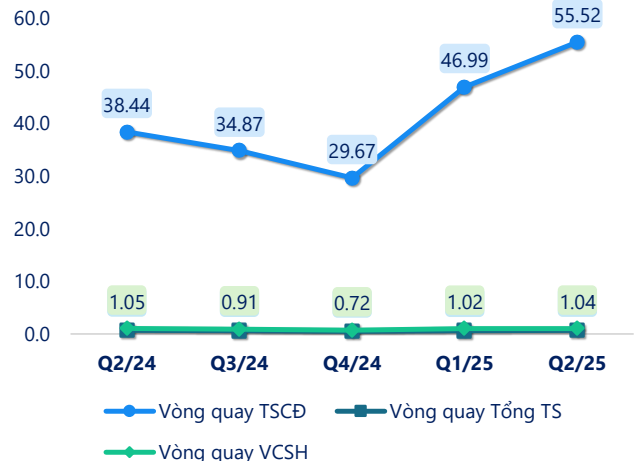
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,713	1,614	1,786	2,595	2,708
Tài sản ngắn hạn	1,296	1,199	1,482	2,294	2,299
Tiền và tương đương tiền	137	41.5	26.9	469	147
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.6	73.2	45.7	38.9	461
Phải thu ngắn hạn	565	497	718	878	898
Hàng tồn kho	522	549	646	865	755
Tài sản ngắn hạn khác	36.6	38.7	46.1	43.2	38.8
Tài sản dài hạn	417	415	304	300	408
Phải thu dài hạn	116	116	7.30	7.04	7.10
Tài sản cố định	27.1	26.4	25.7	25.1	24.6
Bất động sản đầu tư	230	229	229	229	227
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	11.3	11.5	11.6	11.6	124
Tài sản dài hạn khác	1.08	1.76	1.93	1.49	1.09
Lợi thế thương mại	31.7	30.0	28.3	26.6	24.9
Nợ phải trả	540	434	496	1,141	1,131
Nợ ngắn hạn	404	277	332	638	553
Vay và nợ thuê ngắn hạn	213	86.0	102	89.1	81.3
Phải trả người bán ngắn hạn	22.9	22.6	60.5	87.0	44.2
Nợ dài hạn	137	158	164	503	578
Vay và nợ thuê dài hạn	103	101	102	480	507
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,173	1,179	1,290	1,454	1,577
Vốn chủ sở hữu	1,173	1,179	1,290	1,454	1,577
Vốn điều lệ	774	828	828	828	828
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)